

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dên Văn Hiền
2. Bà Nguyễn Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm B L, sinh năm 1980. (Xin vắng)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Phạm B L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà Phạm B L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: Có 02 con chung, là Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/9/2005, Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/10/2012. Bà Phạm B L yêu cầu nuôi con, không yêu

cầu ông Nguyễn Phước T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 22/10/2020, bà Phạm B L có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do phải đi làm, không đảm bảo tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đối với ông Nguyễn Phước T, Tòa án triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Phước T đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án nhưng ông Nguyễn Phước T vắng mặt.

Tại biên bản ngày 07/7/2020, ông Nguyễn Phước T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà Phạm B L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước T. Ông Nguyễn Phước T đồng ý ly hôn với bà Phạm B L.

Về con chung: Có 02 con chung, là Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/9/2005, Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/10/2012. Hiện các con đang chung sống cùng gia đình. Ông yêu cầu được nuôi một trong hai con chung, không yêu cầu bà Phạm B L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn là ông Nguyễn Phước T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên bà Phạm B L khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Phước T: Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Phước T đến tham gia phiên Tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Phước T vắng mặt. Đồng thời, ông Nguyễn Phước T đã có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phước T theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Phạm B L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm B L theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc. Cả bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T đều có nguyện vọng được ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Phạm B L và ông Nguyễn Phước T là có

trong thực tế và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm B L ly hôn với ông Nguyễn Phước T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Phạm B L có nguyện vọng nuôi hai con chung, ông Nguyễn Phước T yêu cầu được nuôi 01 con chung. Bà L và ông T không thống nhất được với nhau về việc nuôi con. Tuy nhiên, cả hai cháu Nguyễn Chí T, Nguyễn Anh D đều thể hiện nguyện vọng được chung sống với bà Phạm B L. Do đó, giao cháu Nguyễn Chí T, Nguyễn Anh D cho bà Phạm B L nuôi dạy là phù hợp.

Bà Phạm B L không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không buộc trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Phước T.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm B L về việc ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm B L nuôi dạy Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/9/2005, Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/10/2012, ông Nguyễn Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Phước T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Phạm B L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 6 năm 2020, bà Phạm B L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003857 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Phạm Bữu Lại, ông Nguyễn Phước T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THA DS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Tây (CQ thực hiện việc ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Bùi Thị Huệ

